

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 7 - 2020
V/v: Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Trần Phú Tín.

2. Bà Nguyễn Thị Tua.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé H, sinh năm: 1976; địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện T, tỉnh H (Có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm: 1975; địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện T, tỉnh H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 8 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé H trình bày: Vào năm 2000, giữa nguyên đơn với bị đơn là anh Lê Văn H được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, đến ngày 04/9/2000 anh chị mới đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị

chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, cho đến tháng 01/2019 thì ly thân cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống. Do đó, chị Bé H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn; về con chung chưa có; về nợ chung không có, tài sản chung ngày cưới cha mẹ chồng cho một cây vàng, sau đó đã bán hết hiện không còn tài sản chung nào khác, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn nhà chị đang sinh sống là tài sản riêng của chị.

Quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn anh Lê Văn H không có mặt tại nơi cư trú, nên các văn bản về tố tụng được niêm yết theo quy định, nên chưa ghi nhận ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện và bản tự khai; giấy chứng nhận kết hôn; đơn xin xác nhận; bản photo giấy chứng minh nhân dân; bản photo sổ hộ khẩu; giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện, thông báo nộp tiền tạm ứng án phí; biên lai thu tạm ứng án phí; thông báo thụ lý vụ án; quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân; biên bản xác minh; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; biên bản vắng mặt; biên bản tổng đạt; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (lần 2); thông báo kết quả việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; biên bản niêm yết; quyết định đưa vụ án ra xét xử;

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn chấp hành không đúng pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Bé H với anh H được ly hôn; về con chung: chưa có; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; án phí chị Bé H phải nộp theo quy định; không có kiến nghị khắc phục vi phạm.

Các tình tiết, sự kiện các bên đã thống nhất: Không.

Vấn đề đương sự không thống nhất: Không.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nH định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Bé H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn H, do anh H có nơi cư trú tại ấp A, xã V, huyện T, tỉnh H. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Do chị Bé H với anh H có đăng ký kết hôn, không có con chung, nên tranh chấp giữa anh chị thuộc trường hợp: “*Tranh chấp về ly hôn*”, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Theo biên bản xác minh, bị đơn không có mặt ở địa phương, không rõ thời điểm trở về, cũng không rõ địa chỉ mới của bị đơn, nên các văn bản tố tụng được niêm yết theo quy định.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào ngày 04/9/2000, giữa chị Bé H với anh H xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 để giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Thị Bé H với anh Lê Văn H, đăng ký kết hôn vào ngày 04/9/2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh H; thời điểm đăng ký kết hôn thì anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống, đến tháng 01/2019 thì anh chị ly thân cho đến nay. Thời gian anh chị ly thân đã lâu, hiện anh H đi làm ăn xa; từ khi ly thân đến nay là một thời gian dài, nhưng các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn nhằm xây dựng hạnh phúc; xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chưa có.

[5] Về tài sản chung: Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, chị Bé H khẳng định nợ chung và tài sản chung không có, nên không đề cập đến.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: do chị Bé H là nguyên đơn trong vụ án. Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “4. *Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Căn cứ vào quy định của pháp luật viện dẫn trên, thì chị Bé H phải chịu án phí. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, án phí là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 92, Điều 93, Điều 94, khoản 1 Điều 95, khoản 2 Điều 97, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a

khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Áp dụng: Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nH yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị Bé H với anh Lê Văn H được ly hôn.

2. *Về con chung:* Không có.

3. *Về nợ chung và tài sản chung:* Không có, nên không xem xét.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị Bé H phải nộp số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) từ tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000952 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí sơ thẩm, chị Bé H đã nộp xong, không phải nộp thêm.

5. *Quyền kháng cáo:* Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang;
- Viện kiểm sát huyện Vị Thủy;
- Chi cục THA DS huyện Vị Thủy;
- UBND xã V, h.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;
- Công TTĐT (để công bố);

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

